

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27/4/2023

V/v Kiện xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hồng Nam;

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Ngọc Ngư

2- Ông Nguyễn Văn Thuyết

- Thư ký phiên tòa: Vũ Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Thái Nguyên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 173/2022/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị Lệ T, sinh năm 1984 (có mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố GT, thị trấn GT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Phi D, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố GT, thị trấn GT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa chị Lương Thị Lệ T trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Phi D trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không ai lừa dối hay cưỡng ép, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn GT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên theo đúng quy định của pháp luật vào tháng 8 năm 2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại tổ dân phố GT và cuộc sống vợ chồng hạnh phúc 05 năm đầu sau dần dần vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong lối sống, quan điểm sống và thường xuyên

xảy ra cãi chửi nhau. Năm 2018, anh D có nhiều mối quan hệ bên ngoài và thường xuyên chửi vợ con. Đỉnh điểm đến năm 2021, anh D đã đuổi chị ra khỏi nhà nên chị đã đưa các con về nhà ngoại ở nhờ. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Khánh L sinh ngày 24/01/2006 và Nguyễn Quang V sinh ngày 04/12/2010. Hiện nay cả hai con đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện PL đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh D như: Thông báo thụ lý vụ án số 173/TB-TLVA ngày 29/11/2022; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 02/TB-TA ngày 13/01/2023 và Thông báo hòa giải lần thứ hai số 02/TB-TA ngày 13/02/2023; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/3/2023 và giấy triệu tập phiên tòa. Tuy nhiên, anh D không cung cấp lời khai và cũng không có mặt tại Tòa án nên không thể tiến hành hòa giải được. Mặc dù Anh D đã nhận Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 02/TB-TA ngày 13/01/2023 nhưng anh D vắng mặt không có lý do. Anh D đang đi làm ăn xa, thường xuyên liên lạc và thỉnh thoảng về thăm mẹ anh (bà Trần Thị Huế), tòa án đã lập biên bản không tổng đạt được các văn bản tố tụng và niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh D vẫn vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56 và Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Lệ T xin ly hôn anh Nguyễn Phi D.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Lệ T được ly hôn anh Nguyễn Phi D

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Khánh L sinh ngày 24/01/2006 và Nguyễn Quang V sinh ngày 04/12/2010 cho chị Lương Thị Lệ T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết .

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Phi D có nơi cư trú tại tổ dân phố GT, thị trấn GT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ các quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Thái Nguyên.

- Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện PL đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định tại Điều 179, Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh D vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2.] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Lệ T và anh Nguyễn Phi D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn GT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong lối sống, quan điểm sống và thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, chị T được ly hôn anh D là hoàn toàn phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Khánh L sinh ngày 24/01/2006 và Nguyễn Quang V sinh ngày 04/12/2010. Hiện nay cả hai con

đang sinh sống cùng với chị T nguyên vọng của chị T là được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Cả hai cháu Nguyễn Khánh L và Nguyễn Quang V đều có nguyện vọng là được ở cùng với chị T. Xét về điều kiện, hoàn cảnh để chăm sóc, giáo dục và ổn định cuộc sống cũng như học tập của con chung nên cần giao cả 02 con chung tên Nguyễn Khánh L sinh ngày 24/01/2006 và Nguyễn Quang V sinh ngày 04/12/2010 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung. Anh D không có lời khai nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4.] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56 và Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Lệ T xin ly hôn anh Nguyễn Phi D.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Lệ T được ly hôn anh Nguyễn Phi D.

2. Về con chung: Giao cả 02 con chung tên Nguyễn Khánh L sinh ngày 24/01/2006 và Nguyễn Quang V sinh ngày 04/12/2010 cho chị Lương Thị Lệ T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu. Anh D có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Chị Lương Thị Lệ T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003534 ngày 28/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PL.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- UBND xã/TT;
- Lưu: HS, bộ phận DS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ngô Hồng Nam

